

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp
từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông (sau đây gọi là Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Các quy định về nội dung hoạt động khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông, nội dung xây dựng mô hình trình diễn và các nội dung chuyên môn nghiệp vụ khuyến nông được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại Việt Nam.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó:

a) Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông trung ương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, tổ chức thực hiện.

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến nông địa phương và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Thông tư này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Ngân sách nhà nước chỉ cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương III của Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 và Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động khuyến nông phải thực hiện công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành. Đối với các nội dung chi chưa có quy định về mức chi thì Thủ trưởng đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG

Điều 4. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung chi, mức chi sau:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

d) Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ

- Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Đối tượng chuyên giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng bãi ngang, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

đ) Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước

Đối với khảo sát, học tập trong nước, mức chi theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, riêng mức chi hỗ trợ tiền ăn áp dụng theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này.

Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;

Điều 5. Thông tin tuyên truyền

1. Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông

a) Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng). Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

3. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo được vận dụng mức chi quy định tại Khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm